BẢNG TỔNG HỢP KÊ DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT THU HỒI
THỰC HIỆN DỰ ÁN : XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ TẬP TRUNG XÃ (KHU ĐỒNG SỎI, THÔN LỤC LIỄU), XÃ HỢP ĐỨC, HUYỆN TÂN YÊN (ĐỢT 2)

(Kèm theo Thông báo số ... /TB-UBND ngày……/5/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên)

STT	Họ và tên chủ sử dụng (theo HS địa chính)	Địa chỉ thửa đất	Thông tin thửa đất theo GCN, HS ĐC				Thông tin thửa đất theo Trích đo 2012			Thông tin thửa đất theo GCN, HS ĐC năm 1999			Loại đất	Diện tích thu hồi (m2)			Ghi chú
			Số Tờ	Số thửa	DT thửa (m2)	DT được giao (m2)	Số Tờ	Số thửa	DT thửa (m2)	Số Tờ	Số thửa	DT thửa (m2)		Đất giao cho hộ	Đất UB	Tổng DT thu hồi	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Vũ Văn Hiền - đã chết Vũ Văn Hoà - con (đại diện) Vũ Văn Hợp - con là hàng thừa kế của ông Vũ Văn Hiền (GCN Vũ Văn Hiền)	Thôn Lục Liễu trên	32	398	449,9					44	224	480	LUC	449,9		449,9	Văn bản cử người đại diện
2	Nguyễn Thị Liên	Thôn Lục Liễu trên	32	427	137,4								LUC	137,4		137,4	
3	Nguyễn Tiến Hiển	Thôn Lục Liễu trên	32	393	337,8	337,8							LUC	249,6		249,6	
4	Bùi Thị Thoa Vũ Văn Nam	Thôn Lục Liễu trên	32	370	298,3	298,3							LUC	113,2		113,2	SĐC Q6, Tr45
5	Nguyễn Văn Nhất - đã chết Nguyễn Thị Sừ (vợ) - đã chết 1. Nguyễn Văn Nhị (con)- đã chết 1.1. Đỗ Thị Minh - vợ 1.2. Nguyễn Văn Nam -con 1.3. Nguyễn Thị Liên - con 1.4. Nguyễn Thị Tuyết - con 2. Nguyễn Văn Tam - con 3. Nguyễn Văn Tứ - con (đại diện) 4. Nguyễn Thị Thuỷ - con 5. Nguyễn Thị Ngân - con 6. Nguyễn Thị Ngần - con là hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn Nhất	Thôn Lục Liễu trên	32	399	530,4	530,4							LUC	154,4		154,4	SĐC Q13, Tr110

STT	Họ và tên chủ sử dụng (theo HS địa chính)	Địa chỉ thửa đất	Thông tin thửa đất theo GCN, HS ĐC				Thông tin thửa đất theo Trích đo 2012			Thông tin thửa đất theo GCN, HS ĐC năm 1999			Loại đất	Diện tích thu hồi (m2)			Ghi chú
			Số Tờ	Số thửa	DT thửa (m2)	DT được giao (m2)	Số Tờ	Số thửa	DT thửa (m2)	Số Tờ	Số thửa	DT thửa (m2)		Đất giao cho hộ	Đất UB	Tổng DT thu hồi	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
6	Đỗ Ngọc Hàng - đã chết Nguyễn Thị La - vợ Đỗ Ngọc Hùng - con Đỗ Thị Lan - con (đại diện) Đỗ Ngọc Dũng - con là hàng thừa kế của ông Đỗ Ngọc Hàng (GCN Nguyễn Thị La)	Thôn Lục Liễu trên	32	385	311,4	311,4							LUC	251,5		251,5	Văn bản cử người đại diện
7	Nguyễn Văn Vạn - đã chết Nguyễn Thị Lơ - vợ Nguyễn Văn Hưng - con (đại diện) Nguyễn Văn Hải - con Nguyễn Thị Huyên - con Nguyễn Văn Hùng - con là hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn Vạn (GCN Nguyễn Thị Lơ)	Thôn Lục Liễu trên	32	386	284,4	284,4							LUC	172,9		172,9	Văn bản cử người đại diện
8	Đỗ Văn Cường	Thôn Lục Liễu trên	32	396	300,2					44	248	276	LUC	300,2		300,2	
9	Nguyễn Văn Phúc - đã chết Ngô Thị Ích - đã chết Nguyễn Thị Nhung - con (đại diện) Nguyễn Thị Lưu - con Nguyễn Thị Oanh - con là hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn Phúc và bà Ngô Thị Ích (GCN Ngô Thị Ích)	Thôn Lục Liễu trên	32	369	258,8	258,8							LUC	45,9		45,9	Văn bản cử người đại diện
10	Nguyễn Tiến Hiển	Thôn Lục Liễu trên	32	391	236,5					44	218	264	LUC	182,1		182,1	
11	Nguyễn Đức Sỹ	Thôn Lục Liễu trên	32	436	191,9					44	248	264	LUC	69,4		69,4	

STT	Họ và tên chủ sử dụng (theo HS địa chính)	Địa chỉ thửa đất	Thông tin thửa đất theo GCN, HS ĐC				Thông tin thửa đất theo Trích đo 2012			Thông tin thửa đất theo GCN, HS ĐC năm 1999			Loại đất	Diện tích thu hồi (m2)			Ghi chú
			Số Tờ	Số thửa	DT thửa (m2)	DT được giao (m2)	Số Tờ	Số thửa	DT thửa (m2)	Số Tờ	Số thửa	DT thửa (m2)		Đất giao cho hộ	Đất UB	Tổng DT thu hồi	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
12	Đỗ Ngọc Giang - đã chết Nguyễn Thị Tám - vợ Đỗ Ngọc Thanh - con Đỗ Ngọc Mai - con là hàng thừa kế của ông Đỗ Ngọc Giang (GCN Nguyễn Thị Tám)	Thôn Lục Liễu trên	32	463	250,1					44	248	240+24	LUC	250,1		250,1	Văn bản cử người đại diện
13	Nguyễn Văn Tài (Dương Thế Tài)	Thôn Lục Liễu trên	39	8	196,8					44	2	192	LUC	177,9		177,9	
14	Nguyễn Văn Phú (GCN Trần Thị Nga)	Thôn Lục Liễu trên	39	41	224,9	224,9							LUC	224,9		224,9	Hợp đồng chuyển nhượng
15	Lê Văn Kiên	Thôn Lục Liễu trên	39	5	472,8						168+264		LUC	472,8		472,8	
16	Nguyễn Văn Hoàng (Hoằng)	Thôn Lục Liễu trên	39	3	232,8					24	251	204	LUC	232,8		232,8	
17	Nguyễn Văn Thực	Thôn Lục Liễu trên	39	7	268,5								LUC	268,5		268,5	
18	Trần Thái Bình	Thôn Lục Liễu trên	32	368	309	309							LUC	203,5		203,5	SĐC Q6, Tr75
Tổng														**3.957,0**	**0,0**	**3.957,0**	